TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ - PT
Ngày: 18/8/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- **Các thẩm phán**: Ông Phạm Văn Khôi.

Ông Phạm Trung Kết.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Mơ – Kiểm sát viên trung cấp.

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 18/8/2017 tại trại giam N, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20/6/2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo .

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 17tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M - sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Quách Văn K - sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án ở phân trại K2, trại giam N, tỉnh Ninh Bình.

Do có kháng cáo của bị đơn anh Quách Văn K

Tại phiên tòa có mặt anh K; vắng mặt chị M, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án đươc tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, ban tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm chị Bùi Thị M.trình bày:

Chị và anh Quách Văn K được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Vân, huyện Nho Quan. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh K ở thôn C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình được khoảng 5 tháng thì ra ở riêng nhưng ở nhờ nhà bố mẹ đẻ anh K. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy nên vợ chồng hay bất hòa, thường xuyên va chạm, cãi nhau và không có hạnh phúc. Mặc dù đã được đi cai nghiện ma túy tại trung tâm chữa bệnh tỉnh Ninh Bình nhưng anh K vẫn không từ bỏ được may túy. Từ năm 2014 chị và anh K sống ly thân, không còn trách nhiệm gì với nhau, chị M đã về ở nhà mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tháng 7/2016, anh K bị xử phạt 30 tháng tù vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Quách Thị Minh P sinh năm 2010 và cháu Quách Văn T sinh năm 2011. Chị M xin nuôi con chung là Quách Văn Thắng còn anh K nuôi cháu Quách Thị Minh Phượng. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bố mẹ đẻ anh K. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về Tài sản, công nợ chung: Chị M và anh K xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Quách Văn Kquá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh không hợp tác với Tòa án, anh không viết bản tự khai, không ký vào biên bản của Tòa án với lý do khi nào anh chấp hành xong án phạt tù thì anh mới ly hôn chị M.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện N đã áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều

82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị M.và anh Quách Văn Khiêm.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Thị Minh Psinh năm 2010 cho anh K nuôi. Giao cháu Quách Văn T sinh năm 2011 cho chị M nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị M và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2017 anh Quách Văn Kcó đơn kháng cáo không nhất trí với việc bản án sơ thẩm xử cho chị M ly hôn với anh bởi vì anh không muốn gia đình anh phải xa nhau, anh muốn vợ chồng anh đoàn tụ để con anh có cả cha và mẹ. Hai vợ chồng anh còn đang nợ ông Trọng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và Quỹ phát triển nông thôn số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) anh đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết công nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa anh K trình bày: Anh không đồng ý ly hôn khi anh đang chấp hành án, khi nào anh chấp hành án xong thì anh và chị M sẽ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Nếu Tòa án vẫn giải quyết ly hôn thì anh bổ sung kháng cáo không đồng ý giao con chung cho cô M nuôi dưỡng mà để hai cháu ở với bố mẹ anh để các cháu có anh em.

Đại diên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Quách Văn K giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện N

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét yêu cầu kháng cáo của anh K Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2017 anh Quách Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đơn kháng cáo của anh K được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

Tại phiên tòa anh K bổ sung đơn kháng cáo không đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng mà để hai cháu ở với bố mẹ anh để các cháu có anh em, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa anh K bổ sung kháng cáo về phần giải quyết con chung nhưng nội dung bổ sung kháng cáo này của anh K vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu do vậy căn cứ Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự việc bổ sung kháng cáo này của anh K không được chấp nhận.

Về nội dung: Chị M và anh K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2009, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy nên vợ chồng hay bất hòa, thường xuyên va chạm, cãi nhau và không có hạnh phúc. Mặc dù đã được gia đình đưa đi cai nghiện ma túy tại trung tâm chữa bệnh tỉnh Ninh Bình nhưng anh K vẫn không từ bỏ được matúy nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2014 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống và từ đó giữa chị M anh K đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 7/2016, anh K bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt 30 tháng tù, trong quá trình anh K cải tạo tại trại giam chị M cũng không thăm nuôi và động viên anh K trong quá trình cải tạo. Đến nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Tại phiên tòa anh K không đồng ý ly hôn vì lý do anh đang chấp hành án nhưng anh cũng xác định từ năm 2014 khi anh đang trong trung tâm cai nghiện thì chị M đã bỏ đi và từ đó đến nay anh và chị M không gặp nhau không quan tâm đến nhau, về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn, anh cũng có lần đánh chị M nhưng đấy chỉ là mâu thuẫn nhỏ của vợ chồng, anh không bao giờ đánh chị M để đòi tiền để dùng ma túy. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh K mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy, gia đình đã đưa anh K đi cai nghiên nhưng anh K vẫn không từ bỏ được ma túy đến năm 2016 anh lại bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bản thân anh cũng thừa nhận có đánh đập chị M. Bản thân chị Mỹ đã phải bỏ về

nhà mẹ để để tránh những hành động đánh đập vợ của anh K, từ năm 2014 anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Như vậy có thể thấy anh K đã có hành vi bạo lực đối với chị M, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho cuộc hôn nhân giữa chị M và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án nhân dân huyện N đã chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M xử cho chị M được ly hôn anh K là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Trong đơn kháng cáo anh K không muốn ly hôn với lý do không muốn gia đình bị chia rẽ, các con không có bố, có mẹ và anh đang phải chấp hành án nhưng bản thân anh là người trực tiếp gây nên mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, lý do anh không đồng ý ly hôn do anh đang chấp hành án không phải là lý do thể hiện tình cảm vợ chồng anh chị có thể khắc phục được. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị M đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quá trình chung sống anh K hay đánh đập chị một cách vô cớ để giải phóng cho chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K để chị ổn định cuộc sống nuôi dậy con chung. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của anh K cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về phần công nợ của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện chị M không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và công nợ chung. Quá trình giải quyết anh K cũng không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người cho vợ chồng anh vay nợ sau khi được Tòa án thông báo cũng không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết phần công nợ chung của vợ chồng anh K chị M là phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu giải quyết về công nợ chung của vợ chồng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên theo quy định về giới hạn xét xử phúc thẩm tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm. Sau này anh K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có thể khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị cấp phúc thẩm không xét.

Án phí dân sự phúc thẩm: anh K không được chấp nhận đơn kháng cáo nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148, Điều 227, khoản 1 – Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 về án phí lệ phí. Xử:

1.Không chấp nhận kháng cáo của anh Quách Văn K, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 09/2017/HNGĐ – ST ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện N về phân tình cảm.

Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị M.và anh Quách Văn K.

Các quyết định khác của án sơ thẩm về phần con chung, cấp dưỡng nuôi con chung không bị kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

2.Án phí phúc thẩm: Anh Quách Văn K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000489 ngày 14/6/2017 của Chi cục thi hành án huyện N.

Bản án phúc thẩm được thông qua tại phòng nghị án, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao (1);*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình (2);*
- *Phòng KTGĐ (1);*
- *TAND TP Ninh Bình (1);*
- *Chi cục THADS H.N (1);*
- *UBND xã L, huyện N.*
- *Đương sự (2);*
- *Lưu hồ sơ (1);*
- *Lưu VP; Lưu trữ(2)*

.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa